

Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu về vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới (Nghiên cứu trường hợp ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào)

Kanha Senthammavong^(*)

Tóm tắt: *Xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng trong nông nghiệp, nông thôn để thay đổi toàn diện bộ mặt nông thôn và đời sống của người dân. Mức độ thành công và hiệu quả của xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương phụ thuộc vào nhiều yếu tố, song không thể không nói tới vai trò quan trọng của hệ thống chính trị cơ sở. Trong phạm vi bài viết, tác giả trình bày một số lý thuyết chính được vận dụng để nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu trường hợp ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, qua đó giúp các chủ thể trong hệ thống chính trị từ trung ương tới cơ sở có những tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở trong thực hiện vai trò xây dựng nông thôn mới hiện nay.*

Từ khoá: Lý thuyết, Vai trò, Hệ thống chính trị cơ sở, Xây dựng nông thôn mới, Lào

Abstract: *New rural construction as a revolution in agriculture and rural areas brings a comprehensive change in the rural areas and people's lives therein. The success and effectiveness of this work in each locality depends on several factors, of which the significance of the local political system cannot be ignored. The paper presents some key theories applied to study the role of local political system in building new rural areas through a case study of Lao People's Democratic Republic, thereby provides the central and local political systems with criteria to evaluate the performance of the local government apparatus in performing its role in this work today.*

Keywords: Theory, Role, Local Political System, New Rural Construction, Laos

1. Mở đầu

Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) là một chương trình mang tính quốc gia đã và đang được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới. Những kết quả trong phát triển toàn diện đời sống kinh tế - xã hội, sự cải thiện

bộ mặt khu vực nông thôn ở các quốc gia, khu vực đã chứng minh tính đúng đắn của chương trình này trong thực tiễn.

Thực tiễn XDNTM ở một số nước châu Á như Lào, Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc đã cho thấy: để chương trình này thành công, bền vững, hiệu quả, thực chất thì cần có sự chủ động của những người dân nông thôn với tư cách là chủ

^(*) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào, NCS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Email: kanhastmv@gmail.com

thể quan trọng trong thực hiện; đồng thời hệ thống chính trị cơ sở cần phải quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn người dân thực hiện. Chính quyền cấp cơ sở là những người trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, trực tiếp tham gia cùng với nhân dân trong phát triển kinh tế ở địa phương, đó còn là bộ máy với chức năng cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của hệ thống chính trị cấp trên thành các kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Do đó, việc đánh giá vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong XDNTM nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung là nội dung quan trọng cần được quan tâm nghiên cứu từ cả hướng tiếp cận lý thuyết và thực tiễn.

Nông thôn có vị trí vô cùng quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Lào. XDNTM trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước Lào, có ý nghĩa to lớn và tác động toàn diện đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực với sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã chỉ rõ nhiệm vụ và giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với XDNTM trong giai đoạn 2016-2020 của Lào là “tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, XDNTM và cải thiện đời sống của nông dân” (Đảng Nhân dân cách mạng Lào, 2011: 122).

Để đánh giá việc thực hiện vai trò XDNTM của hệ thống chính trị cơ sở trên phương diện lý thuyết, cần nhìn nhận một cách tổng tích hợp để không đề cao cách tiếp cận này mà phủ nhận cách tiếp cận khác. Trong quá trình XDNTM ở Lào, việc tìm hiểu các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị

cơ sở trong XDNTM có thể giúp hệ thống chính trị các cấp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện vai trò XDNTM của hệ thống chính trị cơ sở đạt hiệu quả, thiết thực và bền vững.

2. Lý thuyết phát triển cộng đồng

Lý thuyết phát triển cộng đồng xuất hiện vào những năm 1940 ở các nước thuộc địa của Anh và chỉ phổ biến ở Việt Nam vào thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX. Tuy nhiên trước đó vào năm 1887, nhà xã hội học người Đức - F. Tonnies (1855-1936) đã đưa ra những quan điểm về vấn đề này. Theo đó, Tonnies chia các loại hình xã hội thành hai dạng: Thứ nhất là các cộng đồng truyền thống tiền công nghiệp và thuộc các xã hội nông nghiệp; Thứ hai là các cộng đồng giống các cộng đồng thuộc xã hội công nghiệp và đô thị. Lý thuyết phát triển cộng đồng nhấn mạnh đến quá trình phát triển kinh tế cộng đồng cùng với tiến bộ văn hóa - xã hội theo hướng hoàn thiện các giá trị chân thiện mỹ. Phát triển cộng đồng là một đặc trưng của phát triển xã hội, là tiến trình giải quyết vấn đề dựa trên phương pháp luận đi từ dưới lên, xuất phát từ nhu cầu của chính người dân, qua đó giúp người dân tăng kiến thức, kỹ năng phát hiện các nhu cầu, vấn đề, ưu tiên hóa chúng, huy động các nguồn lực bên trong và ngoài cộng đồng để giải quyết chúng. Lý thuyết này chủ trương phát triển cộng đồng là phát triển con người và vì con người, hướng đến sự công bằng, tính bền vững (Dẫn theo: Bùi Nhật Phong, 2006: 74).

Về cơ bản, nền tảng của lý thuyết phát triển cộng đồng dựa trên ba nguyên lý: tính tương đối của phát triển cộng đồng; tính đa dạng của cộng đồng; tính bền vững của phát triển cộng đồng. Vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng trong nghiên cứu quá

trình XDNTM ở Lào, cần tập trung nghiên cứu việc phát huy vai trò chủ thể của người dân và cách vận động người dân tham gia trong mọi lĩnh vực XDNTM, bao gồm không chỉ trong xây dựng hệ thống hạ tầng thiết yếu, mà còn trong phát triển kinh tế hộ, hợp tác xã, trong quản lý xã hội, phát triển cộng đồng, xây dựng đời sống nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển các giá trị văn hóa mới, bảo vệ môi trường, tôn tạo cảnh quan nông thôn... Ngoài ra, còn cần đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả XDNTM.

Lý thuyết phát triển cộng đồng nhấn mạnh việc hướng về cơ sở, thể hiện ở cách chọn địa bàn chính để triển khai chương trình XDNTM là xã, thôn, bản, ấp, là các địa bàn cơ sở gần với dân nhất, cụ thể hóa chương trình cấp quốc gia thành các dự án, phong trào của người dân ở các địa phương, triển khai với sự tham gia, kiểm tra, giám sát của người dân. Ở Lào, việc vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng trong nghiên cứu về nông thôn thường hướng đến nghiên cứu các chủ đề như: sự tham gia của cộng đồng trong quản lý xã hội, phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn, sự tham gia của cộng đồng vào quá trình XDNTM...

Vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng trong nghiên cứu nông thôn mới ở Lào hiện nay cần hướng đến việc cải thiện chất lượng đời sống cộng đồng cả về vật chất và tinh thần, qua đó tạo sự chuyển biến trong cộng đồng nông thôn. Ngoài ra, cần tạo sự bình đẳng trong việc tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng giữa các nhóm xã hội, chú ý đến các nhóm yếu thế, qua đó đẩy mạnh công bằng xã hội. Cần hướng đến việc thu hút người dân tham gia tối đa vào quá trình phát

triển; giúp cộng đồng từ tình trạng kém phát triển, không tự giải quyết được các vấn đề của họ tiến tới tự lực, tự cường. Đồng thời cần tăng cường sự tham gia của người dân trong quản lý xã hội nông thôn, XDNTM thông qua việc cung cấp thông tin, tư vấn cho người dân tham gia quản lý trên một số lĩnh vực, tham gia đối thoại, tạo sự đồng thuận của người dân trong quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội ở cộng đồng, hướng hành động của người dân thành hành động tập thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng nông thôn.

Khi vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng trong tiếp cận đánh giá vai trò của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở ở Lào, có thể xem xét mức độ tuân thủ những nguyên tắc chung nhất của phát triển cộng đồng, trong đó có việc trao quyền, việc thực thi nguyên tắc về sự tham gia của nhân dân, hiệu quả kinh tế - xã hội của các chương trình, dự án trong XDNTM tại địa phương. Đồng thời, cần nhấn mạnh rằng, để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong XDNTM, phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, từ Trung ương xuống cơ sở; cũng như sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của toàn xã hội ở khu vực nông thôn. Khi vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng, cũng cần chỉ ra được việc đề ra và thực hiện các chủ trương, đường lối, thể chế của các cấp chính quyền trong XDNTM có gắn với sự tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm và sự quản lý giám sát của các tổ chức chính trị xã hội chính thức và phi chính thức hay không.

3. Lý thuyết vai trò của tổ chức

Lý thuyết vai trò của tổ chức được nhấn mạnh trong chuyên ngành xã hội học về tổ chức, khởi nguồn từ những nghiên cứu của K. Marx, Max Weber và

E. Durkheim khi nhìn nhận các loại hình tổ chức, trong đó có tổ chức chính quyền các cấp trong hệ thống chính trị, vừa là kết quả vừa đáp ứng mục tiêu phát triển xã hội. Theo đó, những nhà xã hội học đầu tiên xem xét tổ chức như “hình thức biểu hiện hợp lý của trật tự xã hội” thông qua mục tiêu hoạt động của tổ chức và cấu trúc phân công lao động trong tổ chức (Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, 2006: 155).

Tập trung nghiên cứu vai trò của tổ chức, Gunter Buschges và Peter Lutke Bornefeld cho rằng, do sự phát triển của quy mô tổ chức, sự đa dạng hóa các nhiệm vụ và phân hóa chức năng của các tổ chức mà khuôn mẫu và yêu cầu về các hành động của các tổ chức cũng khác nhau. Việc định nghĩa và làm rõ vai trò của tổ chức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của tổ chức và sự tuân thủ của các thành viên. Vai trò của tổ chức được định nghĩa ở nhiều phương diện khác nhau: “Định nghĩa về vai trò của tổ chức từ góc độ quản lý tổ chức và những đại diện hoặc đại lý cũng như toàn thể biên chế của tổ chức. Định nghĩa riêng về vai trò của tổ chức thông qua mỗi người với tư cách là cá nhân hành động theo những mục tiêu và lợi ích riêng. Định nghĩa về vai trò của tổ chức thông qua các đại lý, đại diện hay các cá nhân hành động của từng phạm vi môi trường của tổ chức (các khách hàng, những người giao việc, công chúng, những người cung cấp, những người nhận hàng, những người đại diện tổ chức...) mà người giữ cương vị phải hòa nhập với họ thông qua những nhiệm vụ của mình” (Dẫn theo: Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, 2006: 161-163).

Buschges cho rằng, các quan điểm về phân loại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng,

quyết định các công cụ nhận thức về vai trò của tổ chức. Cần có những tiêu chuẩn phân loại tổ chức như: mục tiêu của tổ chức, kết quả hoạt động của tổ chức, chương trình của tổ chức; tôn chỉ của tổ chức (những quy tắc mà thành viên tổ chức phải tôn trọng...); lãnh đạo, các thành viên, cấu trúc của tổ chức; người tài trợ tổ chức... (Dẫn theo: Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, 2006: 106-107). Từ cách phân loại tổ chức, Buschges phân tích sự khác biệt giữa nghiên cứu vai trò của tổ chức với nghiên cứu hành vi cá nhân. Theo đó, tổ chức xã hội là hệ thống các vai trò dựa trên sự phân chia thứ bậc của bộ máy quản lý tổ chức (Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, 2006: 154).

Trong công cuộc XDNTM ở Lào, hệ thống chính trị cơ sở thực hiện những vai trò nhất định như thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng Cách mạng nhân dân Lào cũng như triển khai các chính sách, pháp luật, các chương trình của Nhà nước Lào về XDNTM tại địa phương.

Với hướng tiếp cận của lý thuyết vai trò của tổ chức, các nghiên cứu có thể luận giải rõ vai trò của các chủ thể ở khu vực nông thôn như người dân, các doanh nghiệp, Nhà nước (mà trực tiếp nhất là đội ngũ cán bộ cấp cơ sở của hệ thống chính trị). Mỗi chủ thể đều có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nông thôn và XDNTM. Việc vận dụng lý thuyết vai trò của tổ chức trong nghiên cứu về XDNTM ở Lào hiện nay cần hướng tới luận giải làm rõ một số vấn đề như: vai trò chủ thể của người nông dân, người dân ở khu vực nông thôn trong quá trình XDNTM; vai trò chủ thể của hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở trong việc nắm vững các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà

nước Lào về XDNTM, từ đó thực hiện vai trò kiến tạo, hoạch định chương trình XDNTM phù hợp với đặc điểm của địa phương. Đồng thời, cần làm rõ những thay đổi của bối cảnh, của sự phát triển khoa học - kỹ thuật, chỉ ra tác động của chúng đến nông nghiệp và nông thôn để có giải pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa vai trò của các doanh nghiệp trong việc hỗ trợ thực hiện chương trình XDNTM.

Vận dụng lý thuyết này trong nghiên cứu XDNTM ở Lào cần chú ý 7 nhóm vai trò lớn của hệ thống chính trị cơ sở trong XDNTM là: vai trò nắm bắt chỉ thị, nghị quyết, chính sách và pháp luật XDNTM; vai trò lập kế hoạch, chỉ tiêu XDNTM; vai trò tuyên truyền, vận động về XDNTM; vai trò tổ chức thực hiện XDNTM; vai trò huy động nguồn lực trong XDNTM; vai trò kiểm tra, giám sát trong XDNTM; vai trò đề xuất, kiến nghị lên các cơ quan và cấp có thẩm quyền.

4. Lý thuyết cấu trúc - chức năng

Lý thuyết cấu trúc - chức năng trong nghiên cứu xã hội học được bổ sung và phát triển nhờ những đóng góp lý luận quan trọng của Robert K. Merton (1910-2003). Theo Lê Ngọc Hùng (2016), một đóng góp lớn của Merton đối với chủ thuyết này là việc phát hiện ra sự loạn phản chức năng, còn gọi là phi chức năng hay phản chức năng. Khác với Parsons (1951) luôn coi mọi hệ quả của một thiết chế xã hội là chức năng với nghĩa là những tác dụng tốt, có lợi cho toàn bộ cấu trúc xã hội, Merton đã chỉ ra những phản chức năng của thiết chế xã hội. Phản chức năng là những hệ quả làm cản trở, thậm chí gây rối loạn, làm giảm khả năng tồn tại, thích ứng của cấu trúc. Để nhận diện sự loạn chức năng hay phản chức năng, cần trả lời câu hỏi: hệ quả của một hiện tượng xã hội đem lại lợi ích

hay gây tổn hại tới lợi ích của ai? Cần thấy rằng hệ quả có thể là chức năng, tức là có lợi cho nhóm người này nhưng lại là phản chức năng, tức là có hại cho nhóm người kia. Ví dụ, bộ máy nhiệm sở có chức năng nâng cao tính hiệu quả của tổ chức, nhưng có phản chức năng là tạo ra sự xơ cứng, máy móc trong hành vi của các thành viên (Lê Ngọc Hùng, 2016).

Cũng theo Lê Ngọc Hùng (2016), một đóng góp quan trọng khác của Merton là việc phân loại “chức năng trội” và “chức năng lặn” dựa vào mức độ biểu hiện của chúng. Merton chỉ ra cách phân tích chức năng là phải vượt qua quan niệm thông thường về mục đích, ý nghĩa mà các chủ thể gán cho sự vật, hiện tượng để xác định chính xác, khách quan tác dụng của chúng. Khi tìm hiểu thiết chế và tổ chức xã hội, cần chỉ ra đâu là hệ quả không chủ định, chưa thấy rõ, chưa biểu hiện công khai và đâu là hệ quả chủ định, thấy rõ, biểu hiện công khai. Trên thực tế, muốn hiểu cơ chế hoạt động, tồn tại và phát triển của một cấu trúc xã hội, không nên vội vàng dựa vào những lời tuyên bố công khai về mục đích, tác dụng của nó; mà cần phân tích những tác động nhiều chiều của nó đối với các cấu trúc xã hội có liên quan.

Giống như nhiều nhà chức năng luận, Merton chỉ ra những nhu cầu chức năng cần phải đáp ứng để xã hội vận hành một cách bình thường và gọi chúng là “những điều kiện tiên quyết về mặt chức năng đối với xã hội”. Nhưng khác với họ, Merton cho rằng không nhất thiết mỗi thiết chế xã hội chỉ đáp ứng một loại nhu cầu xã hội. Mà trên thực tế, trong xã hội luôn có “các cấu trúc chức năng thay thế nhau” để thoả mãn các yêu cầu chức năng mà xã hội đặt ra. Một chức năng có thể do hai hay nhiều hơn các tổ chức, thiết chế xã hội cùng có

khả năng thực hiện. Điều này có nghĩa là những thiết chế hiện hành đang được duy trì không phải vì chúng thực sự cần thiết và thực sự tốt hay có lợi cho xã hội, mà chẳng qua chúng có cơ chế để tồn tại và có khả năng để duy trì sự tồn tại của mình bất chấp việc chúng có thực sự cần thiết hay có chức năng hay không (Theo: Lê Ngọc Hùng, 2016).

Các thiết chế xã hội luôn luôn có khả năng thay thế lẫn nhau trong việc đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho sự vận hành và hoạt động của xã hội. Ví dụ, khi xã hội chưa có nhà trường (theo nghĩa đang dùng hiện nay) thì gia đình là thiết chế thực hiện chức năng giáo dục trẻ em. Khi các doanh nghiệp quốc doanh không có khả năng tạo việc làm cho mọi người lao động thì gia đình trở thành một trong những thiết chế xã hội đóng vai trò tạo việc làm cho các thành viên trong gia đình. Khi người già không được chăm sóc tại gia đình thì xã hội sẽ xuất hiện các trung tâm dưỡng lão cung cấp loại dịch vụ này (Lê Ngọc Hùng, 2016).

Lý thuyết cấu trúc - chức năng của Merton đã được ứng dụng, vận dụng nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống như tôn giáo, gia đình, đô thị... Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, lý thuyết này có thể được vận dụng để nghiên cứu về ruộng đất và nông dân; luận giải vị trí, vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng nông nghiệp - nông dân và nông thôn; sự chuyển đổi mô hình phát triển nông nghiệp và chức năng của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân;...

Vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng của Merton khi nghiên cứu về XDNTM ở Lào cần hướng tới làm rõ: Các thành phần, sắp xếp cấu trúc, chức năng của từng tiêu chí và hệ thống tổng thể các mục tiêu của

XDNTM; Sự chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp xã hội ở nông thôn, phân hóa giàu nghèo, phân tầng mức sống ở nông thôn, bất bình đẳng về giáo dục ở nông thôn và xu hướng vận động của nó, di động xã hội khu vực nông thôn;...

Vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng của Merton trong nghiên cứu vai trò của hệ thống chính trị cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ XDNTM ở Lào cần tiếp cận các vai trò của hệ thống chính trị cơ sở từ chức năng của các tổ chức bên trong như tổ chức đảng, tổ chức chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; cần nghiên cứu vai trò tổ chức thực hiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương của hệ thống chính trị cơ sở.

Hệ thống chính trị cơ sở được hệ thống chính trị cấp trên cung cấp các phương tiện, công cụ bằng cơ chế, chính sách để cụ thể hóa chính sách, pháp luật của Nhà nước về XDNTM nhằm đáp ứng sự kỳ vọng của xã hội trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, việc thực hiện vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong XDNTM có thể có những kết quả tích cực và cả những hạn chế. Những quan điểm về sự biến đổi chức năng trong các mô hình tương tác xã hội trong thực tế cũng có thể được vận dụng để làm rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn của các hệ thống chính trị cơ sở trong quá trình XDNTM, vì vậy các nghiên cứu có thể tập trung vào hướng điều chỉnh về mặt quan điểm, chính sách, định hướng phát triển của hệ thống chính trị cơ sở để có thể thực hiện vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong XDNTM ở địa phương, cơ sở.

5. Kết luận

Các lý thuyết trên đây có thể được vận dụng để nghiên cứu vai trò của hệ

thống chính trị cơ sở trong XDNTM ở Lào. Việc vận dụng này có thể giúp làm rõ được các vấn đề cơ bản như: Hệ thống chính trị cơ sở đã phát huy được vai trò của người dân, của cộng đồng trong thực hiện các nhiệm vụ XDNTM hay chưa? Quá trình thực hiện vai trò của từng cán bộ, công chức ở hệ thống chính trị cơ sở được thực hiện như thế nào, phối hợp ra sao? Việc thực hiện chức năng của từng bộ phận trong hệ thống chính trị cơ sở đã đảm bảo đúng và đủ hay chưa? Quá trình thực hiện có những sai lệch/sai phạm hay không?... Mỗi lý thuyết sẽ cung cấp một hướng tiếp cận riêng, bổ sung cho nhau về cách đánh giá, qua đó góp phần nâng cao nhận thức về sự cần thiết của việc duy trì hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong XDNTM ở địa phương hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nội vụ, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước (2006), *Dự án: Điều tra thực trạng về hội và tổ chức phi chính phủ ở nước ta hiện nay*, Hà Nội.
2. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Nhà nước, Viêng Chăn (tiếng Lào).
3. Lê Ngọc Hùng (2016), *Tổng quan về lý thuyết cấu trúc - chức năng*, <http://viennccspt.hcm1.vn/ly-thuyet/tong-quan-ve-ly-thuyet-cau-truc-chuc-nang:-gs-.ts-le-ngoc-hung-a379.html>
4. Bùi Nhật Phong (2011), “Một số lý thuyết và chủ đề nghiên cứu phát triển nông nghiệp - nông thôn qua lăng kính xã hội học”, *Tạp chí Khoa học*, số 6, tr. 71-77.
5. Talcott Parsons (1951), *The Social System*, The Pree Press, Glencoe, Illinois.

(tiếp theo trang 49)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Lợi (2008), “Tục thờ Cá Ông ở ven biển Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9, tr. 32-43.
2. Đào Phụng (1992), *Địa chí Diêm Phố - Ngư Lộc*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
3. Ngô Đức Thịnh (2019), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Thức (2018), “Giải mã tục thờ Tứ vị thánh nương”, *Tạp chí Cổ truyền*, số 404, tr. 17-20.
5. Hoàng Bá Tường (2022), *Văn hóa dân gian Biển - Đảo xứ Thanh*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
6. Hoàng Minh Tường (2005), *Lễ hội cầu ngư của những người dân biển Ngư Lộc, Thông báo văn hóa dân gian 2005*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.